

Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Uyên, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Chị Hà Thị M, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh S.

2. Anh Phùng Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 9 năm 2020. Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T đã được Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng chị M và anh T không hàn gắn được tình cảm và giữ nguyên quan điểm là yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Các thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T có một con chung là Phùng Hà Ánh N, sinh ngày 15/10/2016. Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T đã thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn:

Anh Phùng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Văn T không yêu cầu chị Hà Thị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ tiền lệ phí giải quyết yêu cầu sẽ do chị Hà Thị M nộp, chịu thay cho cả phần lệ phí của anh Phùng Văn T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Phùng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phùng Hà Ánh N, sinh ngày 15/10/2016 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Hà Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Văn T không yêu cầu chị Hà Thị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Chị Hà Thị M và anh Phùng Văn T thỏa thuận: Toàn bộ lệ phí sẽ do chị Hà Thị M nộp, chịu thay cho cả phần lệ phí mà anh Phùng Văn T phải chịu. Tổng cộng chị Hà Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Xác nhận chị Hà Thị M đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/2010/0004694 ngày 18/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trên sẽ được đối trừ vào tiền lệ phí mà chị Hà Thị M phải chịu, chị Hà Thị M không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Dương Thị Tuyết Thanh